

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống;

Xét Văn bản số 4825/STNMT-BVMT ngày 01/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 737/Tr-STNMT ngày 04/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Nghĩa, huyện

Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu thực hiện tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nông Cống, Giám đốc Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Minh Nghĩa (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông
Cống, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy may xuất khẩu Trường Phát.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Minh Nghĩa, huyện Nông Công.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Trường Phát Toàn Cầu.
- + Người đại diện: Trần Công Tuệ; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Nông Công, huyện Nông Công.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Khu đất thực hiện dự án có diện tích 21.449,18m². Ranh giới tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp hành lang kênh thủy lợi.
- + Phía Nam giáp hành lang đường điện 35kV.
- + Phía Tây giáp hành lang đường giao thông liên xã và đất ở (điểm đầu nối giao thông của dự án).
- + Phía Đông giáp đất trồng lúa.
- Quy mô công suất sản xuất: 5.000.000 sản phẩm/năm.
- Quy mô sử dụng khoảng 1.000 lao động.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 21.449,18m² với các hạng mục công trình sau: Nhà bảo vệ + trạm bơm PCCC (01 tầng, diện tích xây dựng 37 m²); nhà văn phòng (02 tầng, diện tích 362,2 m²); nhà ăn ca + bếp + bể nước sạch (01 tầng, diện tích 1.256,1 m²); xưởng sản xuất (01 tầng, diện tích 9.643 m²); nhà vệ sinh công nhân (01 tầng, diện tích xây dựng 134,86 m²); nhà khí nén + kho vải vụn (01 tầng, diện tích xây dựng 72 m²); nhà nồi hơi (01 tầng, diện tích xây dựng 72 m²); trạm điện (01 tầng, diện tích xây dựng 53,3 m²); hồ nước cảnh quan (diện tích 390,78 m²); bể xử lý nước thải (diện tích 50 m²); nhà để xe (01 tầng, diện tích xây dựng 950 m²); bể nước PCCC (diện tích 80 m²); đường giao thông vỉa hè (diện tích 5.892,75 m²); đất cây xanh cảnh quan (diện tích 2.455,19 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác.

- Hoạt động của dự án:
 - + Giai đoạn thi công xây dựng: xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án.
 - + Vận hành Dự án: Sản xuất các loại trang phục quần áo hằng ngày, thông dụng (trừ một số trang phục từ da, lông thú).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Thực hiện dự án phải chiếm dụng 17.640,3 m² đất lúa 2 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; Hoạt động sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,6 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất 92,74 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng vật liệu rơi vãi (chỉ bao gồm đá, cát) 14,83 tấn. Khối lượng chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại là 5,87 tấn; vỏ bao xi măng 520,76 kg; vỏ thùng sơn 785 kg/quá trình thi công, đất đào bóc phong hóa 3.217,38 m³.

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 2 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Tác động do tiếng ồn, độ rung
- Tác động do tập trung công nhân
- Tác động đến quá trình an toàn lao động của công nhân
- Tác động do sử dụng đường giao thông
- Tác động đến môi trường đất
- Tác động do các rủi ro, sự cố con người và giao thông, cháy nổ, bệnh dịch và ngộ độc thực phẩm...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 49,94 m³/ngày (bao gồm nước tắm rửa tay, giặt 14,98 m³/ngày đêm; nước nhà vệ sinh 14,98 m³/ngày đêm; nước thải từ nhà ăn: 19,98 m³/ngày). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò hơi có lưu lượng khoảng 1,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, tro, cặn,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng 179,68 lit/s. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; sản phẩm đi tiêu thụ; từ công đoạn cắt may; vận hành lò hơi, máy phát điện; bếp ăn.... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, VOC...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần gồm: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân và khu nhà ăn là 402 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ công đoạn cắt may là 698,25 tấn/năm tương ứng 2,24 tấn/ngày.

- Chất thải rắn là kim may gãy hỏng, cúc kéo gãy hỏng phát sinh từ quá trình cắt may sản phẩm là 46,68kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... là 8,0 kg/ngày.đêm.

- Tro thải từ quá trình đốt lò hơi (nhiên liệu là các loại vải vụn có thành phần cotton và một phần viên nén sinh học) phát sinh khoảng 76,5 kg.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng

25,0kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang... và dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án là 16 lít/lần thay.

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay, chân đưa về hố lắng có thể tích 3,0 m³ kích thước (2,0mx1,5mx1,0m) có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm. Nước thải sau xử lý thoát ra tuyến mương phía Tây khu vực dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại, khu vực đang thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

- Nước thải xây dựng được thu gom dẫn về 01 hố lắng có dung tích 3,0 m³ kích thước (2,0mx1,5mx1,0m), đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) tại khu vực lán trại; nước thải sau lắng thoát ra tuyến mương phía Tây khu vực dự án.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý. Số lượng 02 bộ/người/năm.

- Dùng xe xịt 5,0m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xịt. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường.

- Dựng tường rào tạm cao 2,5m dài 700m bằng tôn quanh vị trí tiếp giáp tuyến đường liên xã hiện trạng phía Tây dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 3 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom đưa đi xử lý.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với cát, đá rơi vãi sẽ tận dụng làm vật liệu tôn nền tại dự án.
- Đối với loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, đầu que hàn, vỏ thùng sơnđược thu gom với tần suất 01 lần/ngày và thuê đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.
- Đối với đất đào bóc phong hóa sẽ được vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải đúng theo quy định. Vị trí đổ thải tại khu vực trũng phía sau nhà văn hóa thôn Xuân Thành, có diện tích 1.800 m², sâu trung bình 2,0m do UBND xã Minh Nghĩa quản lý cách khu vực thực hiện dự án 1,0km về phía Bắc.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 2,0 kg/tháng, trang bị 02 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định, lưu trữ tạm tại khu vực riêng rộng 10m², có mái che bằng tôn, tránh tác động từ điều kiện tự nhiên mưa, nắng tại khu lán trại.
- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa (dung tích 50l) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và được lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

4.1.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường;
- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- *Đối với nước mưa chảy tràn:*
 - + Nước mưa phát sinh tại dự án được thu theo cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600, D300, dài 681m sau đó đầu nối vào tuyến mương phía Tây dự án tại điểm xả có tọa độ X = 2172538.24; Y = 572929.27.
 - + Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống xử lý nước thải, định kỳ 3 tháng 1 lần đặc biệt trước mùa mưa chủ đầu sẽ tiến hành nạo vét, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa của dự án.
- *Nước thải sinh hoạt:*
 - + Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy được xử lý sơ bộ bằng 4 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích: 240m³); sau đó dẫn về hệ thống XLNTTT nằm ở phía Đông Bắc dự án công suất 80 m³/ngày.đêm để xử lý.
 - + Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt được dẫn qua bể lắng 4 m³ để lắng cặn, sau đó dẫn về hệ thống XLNTTT nằm ở phía Đông Bắc dự án công suất 80 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống được thu gom về 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 3 m^3) để tách váng mỡ trước khi dẫn về hệ thống XLNTTT nằm ở phía Đông Bắc dự án công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý. Váng mỡ tách được thu gom vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò hơi được dẫn qua bể lắng 1 m^3 để lắng cặn, sau đó dẫn về hệ thống XLNTTT nằm ở phía Đông Bắc dự án công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

- Hệ thống XLNTTT nằm ở phía Đông Bắc dự án công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Quy trình, công nghệ của hệ thống XLNTTT như sau:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Một phần tuần hoàn tái sử dụng làm nước PCCC, tưới cây, rửa đường; một phần thoát ra tuyến mương phía Tây dự án.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ tuần hoàn tái sử dụng làm nước PCCC, tưới cây, rửa đường, phần còn lại thoát ra tuyến mương thoát nước phía Tây dự án.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Thiết kế nhà xưởng gia công và nhà kho thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

+ Xưởng sản xuất bố trí 25 hệ thống làm mát và 25 hệ thống quạt thông gió để điều hòa vi khí hậu của nhà xưởng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình cắt vải: Sử dụng thiết bị lọc bụi túi vải để giảm thiểu bụi trong quá trình cắt vải. Trang bị các đầu hút bụi tại khu vực máy cắt vải (phía đối diện với công nhân).

- Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom về 1 Xyclon đường kính 0,5 m, chiều cao 10m để tách bụi và sau đó dẫn về bể nước rửa khí có bổ sung nước vôi trong (dung tích 3 m^3) trước khi thải ra môi trường qua ống khói cao 15m. Bụi lắng trong bể được thu gom bón cho cây trồng xung quanh nhà xưởng.

- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ để hạn chế phát sinh bụi trong nhà máy; Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong nhà máy.

- Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bùn tắc bể và phát sinh mùi; Sử dụng hóa chất để thông tắc đường ống thoát nước thải.

- Các thùng đựng rác đều có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy, số lượng 02 bộ/người/năm.

- Vào những ngày nắng nóng, hành khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

4.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

- + Tại khu vực nhà điều hành, nhà trưng bày sản phẩm, nhà ăn ca trang bị thùng rác loại 5 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom rác thải sinh hoạt.

- + Trên sân đường nội bộ trang bị thùng chứa compsit loại 240 lit để thu gom chất thải sinh hoạt.

- + Yêu cầu CBCNV bỏ rác đúng nơi quy định, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại;

- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

- + Trong xưởng sản xuất bố trí các thùng chứa thể tích 240 lit, có nắp đậy, dán nhãn phân loại chất thải sản xuất. Chất thải sản xuất được phân loại, tập kết tại các thùng chứa trước khi đưa về nhà khí nén + kho vải vụn diện tích 72m² để lưu chứa

- + Về biện pháp xử lý: Một phần vải vụn có thành phần cotton sẽ được tận dụng làm nguyên liệu đốt cho lò hơi, các loại vải có chứa các thành phần khác ngoài cotton sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển theo tình hình thực tế của Công ty.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

b. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và đưa về kho chứa có diện tích 10 m². Bên trong kho chứa bố trí các thùng đựng chất thải, dung tích thùng (loại 0,2 m³/thùng; 0,5 m³/thùng) có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.1.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

+ Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị dừng vận hành ngay và sửa chữa đảm bảo trước khi cho vào hoạt động.

+ Đặt máy móc thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát để tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động.

+ Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

+ Phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường đối với nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí giám sát: điểm đầu ra sau cột lọc áp lực

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ màu, BOD5, COD, TSS, NH4+, tổng dầu mỡ khoáng, Amoni, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường./.